

MỨC ĐỘ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC LOẠI HÀNG RÀO PHI THUẾ ĐẾN XUẤT KHẨU NÔNG SẢN CỦA VIỆT NAM HIỆN NAY

IMPACT OF NON-TAX BARRIERS TO VIETNAM'S AGRICULTURE EXPORT TODAY

Trần Ngọc Tú

Khoa Thương mại, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 08/06/2023, chấp nhận đăng ngày 03/07/2023

Tóm tắt: Trong giai đoạn vừa qua, kinh tế thế giới đã và đang phải đối mặt với những thách thức vô cùng lớn từ sự trỗi dậy của chính sách bảo hộ thương mại. Các hàng rào phi thuế đã chứng tỏ chúng là những công cụ hữu hiệu để các quốc gia thực hiện chính sách bảo hộ của mình. Điều này đã và đang gây ra những tác động to lớn đến tiến trình toàn cầu hóa, giảm tính cạnh tranh lành mạnh trong thương mại toàn cầu. Trong bối cảnh đó, xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam cũng bị ảnh hưởng rất lớn bởi các hàng rào phi thuế của các nước nhập khẩu. Bài viết này đánh giá thực trạng xuất khẩu hàng nông sản và thực trạng tác động của các loại hàng rào phi thuế đến phát triển xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam trong giai đoạn 2017-2021, từ đó đề xuất giải pháp nhằm phát triển xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam giai đoạn 2022 - 2030.

Từ khóa: Bảo hộ thương mại, hàng rào phi thuế, xuất khẩu nông sản.

Abstract: In the past period, the world economy has been facing enormous challenges from the rise of trade protectionism. Non-tariff barriers have proven to be effective tools for countries to implement their protectionist policies. This has been causing great impacts on the globalization process, reducing the healthy competition in global trade. In that context, Vietnam's agricultural exports are also greatly affected by non-tariff barriers of importing countries. This article assesses the current situation of agricultural exports and the impact of non-tariff barriers on the development of Vietnam's agricultural exports in the period 2017-2021, thereby proposing solutions to develop the country's agricultural products. Export development of Vietnamese agricultural products in the period of 2022 - 2030.

Keywords: Trade protection, non-tariff barrier, agricultural product export.

1. GIỚI THIỆU

Việt Nam là một nước có những lợi thế nhất định trong xuất khẩu nông sản. Trong suốt nhiều năm giá trị xuất khẩu nông sản của Việt Nam đã đóng góp lớn vào kim ngạch xuất khẩu chung của cả nước.

Tuy nhiên trong giai đoạn vừa qua, tình hình kinh tế, chính trị thế giới tiếp tục có nhiều biến động và diễn biến phức tạp. Chiến tranh Nga - Ucraina, đại dịch Covid-19, đã khiến

ngày càng nhiều quốc gia quay trở lại chính sách bảo hộ đối với hàng nông sản, dựng nên các rào cản thương mại khác nhau để bảo vệ nền sản xuất trong nước. Do đó, trong bối cảnh bảo hộ thương mại có xu hướng gia tăng trong thời gian tới, nông sản xuất khẩu của Việt Nam cần chuẩn bị, nâng cao năng lực trong nước để ứng phó hiệu quả với những tác động tiêu cực từ các diễn biến của thương mại quốc tế.

Trên cơ sở xem xét thực trạng xuất khẩu nông

sản của Việt Nam và thực trạng áp dụng các hàng rào phi thuế ở một số thị trường xuất khẩu nông sản chính của Việt Nam, nghiên cứu đưa ra các đề xuất nhằm phát triển xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam dưới tác động của các hàng rào phi thuế.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC HÀNG RÀO PHI THUẾ ĐẾN XUẤT KHẨU NÔNG SẢN

2.1. Khái niệm và nội dung của hàng rào phi thuế

Hàng rào phi thuế quan hay rào cản phi thuế quan (tiếng Anh: Non-Tariff Barriers, viết tắt NTBs) được coi như là một công cụ thương mại có chức năng bảo hộ và quản lý để kiểm soát và cản trở sự lưu thông tự do thương mại quốc tế. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có một định nghĩa thống nhất về hàng rào phi thuế quan do tính chất đa dạng, phức tạp và rất khó lượng hóa của nó. Mỗi tổ chức, nhà nghiên cứu lại đưa ra một cách định nghĩa riêng về rào cản phi thuế quan dựa trên nhận thức, quan điểm và cách tiếp cận riêng của họ. Dưới đây là một số định nghĩa về hàng rào phi thuế quan của các học giả:

Theo Deardorff và Stern (1998) định nghĩa: Hàng rào phi thuế quan là bất kỳ biện pháp hay hành động nào của Chính phủ không phải là thuế quan làm cản trở hàng nhập khẩu vào một quốc gia và có phân biệt đối xử chống lại hàng nhập khẩu nhưng không áp dụng với các lực lượng sản xuất hoặc phân phối trong nước.

Theo Keith và John (2000) xây dựng định nghĩa hàng rào phi thuế quan dựa trên các mục tiêu chính sách hợp pháp đối với một số biện pháp phi thuế quan, bao gồm các rào cản kỹ thuật, để tạo thuận lợi cho sản xuất và trao đổi, làm giảm chi phí giao dịch, đảm bảo chất lượng và cung cấp hàng hóa công. Cùng một lúc, các biện pháp này có thể được sử dụng

như một công cụ bảo vệ sản xuất trong nước và cũng được sử dụng để phân biệt đối xử chống lại hàng nhập khẩu, với chi phí tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật cao hơn đối với các nhà sản xuất nước ngoài.

Dựa trên thực tiễn, UNCTAD (Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển) (2009) đã thống nhất khái niệm về hàng rào phi thuế quan trong đó nhấn mạnh: Hàng rào phi thuế quan là các biện pháp chính sách ngoài thuế quan thông thường, có thể có tác động kinh tế đến thương mại quốc tế hàng hóa bằng việc thay đổi khối lượng, hoặc giá cả, hoặc cả hai.

Tóm lại, có nhiều định nghĩa về hàng rào phi thuế quan, tuy nhiên các nghiên cứu đều nhấn mạnh đến mục đích phân biệt đối xử nhằm mục đích bảo hộ sản xuất trong nước. Chính vì vậy, ta có thể có thể hiểu: Hàng rào phi thuế quan là bất kỳ biện pháp nào, không phải là thuế quan mà sử dụng các biện pháp kỹ thuật và các biện pháp phi kỹ thuật làm cản trở hàng hóa nhập khẩu và một quốc gia và bảo vệ người tiêu dùng trong nước.

Các chính sách về phi thuế quan chủ yếu được sử dụng bao gồm: Các biện pháp về hàng rào kỹ thuật TBT và SPS; các biện pháp phòng vệ thương mại (chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ) và các biện pháp liên quan đến quy tắc xuất xứ, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ... Đối với hàng nông sản, sử dụng phổ biến nhất vẫn là các biện pháp về hàng rào kỹ thuật và phòng vệ thương mại.

2.2. Tác động của những hàng rào phi thuế đến xuất khẩu nông sản

Nông sản là một trong những nhóm mặt hàng chịu nhiều các hàng rào phi thuế bởi các quốc gia nhập khẩu. Hàng rào phi thuế của nước nhập khẩu cũng đem lại những tác động tích cực và tiêu cực cho các doanh nghiệp xuất khẩu.

Ở khía cạnh tích cực, đòi hỏi các doanh nghiệp sản xuất/hộ nông dân phải thay đổi tư duy để tuân thủ, đáp ứng các yêu cầu phi thuế và cạnh tranh bằng chất lượng. Các doanh nghiệp/hộ nông dân sẽ có cơ hội để thay đổi cách thức canh tác, nuôi trồng truyền thống, đầu tư khoa học công nghệ để nâng cao năng lực của mình. Bên cạnh đó, các chính sách phi thuế quan cũng thúc đẩy việc tăng cường mở rộng liên kết giữa các doanh nghiệp của nước xuất khẩu và sự chuyển dịch cơ cấu mặt hàng, cơ cấu thị trường xuất khẩu của doanh nghiệp.

Ngoài tác động tích cực thì việc sử dụng các biện pháp bảo hộ phi thuế quan cũng sẽ đưa đến những tác động tiêu cực không nhỏ với doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh xuất khẩu. Cụ thể: Thứ nhất, tác động từ sự không chắc chắn và không minh bạch (so với thuế quan) của các rào cản phi thuế. Thứ hai, tác động đến quy mô thương mại, đến giá cả và phúc lợi của doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nông sản. Thứ ba, tác động làm giảm năng lực và lợi thế cạnh tranh của hàng nông sản xuất khẩu. Thứ tư, tác động đến chi phí thương mại, hoạt động xuất khẩu nông sản của doanh nghiệp và dòng chảy thương mại. Cuối cùng, khi cường độ áp đặt bảo hộ thương mại ngày gia tăng, nước nhập khẩu cũng tăng cường sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại (chống bán phá giá, chống trợ cấp, biện pháp tự vệ), doanh nghiệp của nước xuất khẩu có thể phải đối mặt với các vụ điều tra.

3. THỰC TRẠNG TÁC ĐỘNG CỦA CÁC HÀNG RÀO PHI THUẾ ĐẾN XUẤT KHẨU NÔNG SẢN VIỆT NAM

3.1. Thực trạng áp dụng các hàng rào phi thuế tại một số thị trường xuất khẩu nông sản chính của Việt Nam

▪ *Thực trạng áp dụng các hàng rào phi thuế trên thế giới*

Theo thống kê của WTO, tính đến hết năm

2021, các biện pháp liên quan đến vệ sinh dịch tễ (SPS) và hàng rào kỹ thuật (TBT) được sử dụng với số lượng nhiều hơn đáng kể so với các biện pháp khác như chống bán phá giá (AD) chống trợ cấp (CV)...

Bảng 1. Các biện pháp phi thuế được tính đến hết năm 2021

	SPS	TBT	AD	CV
Thông báo	18569	29047	471	81
Có hiệu lực	3496	3431	1972	235
	SG	SSG	QR	TQ
Thông báo	50	0	0	0
Có hiệu lực	71	652	1636	1274

Nguồn: <http://i-tip.wto.org/>

Các biện pháp phi thuế được ban hành cũng như còn hiệu lực được ban hành bởi các nước WTO đều có xu hướng tăng trong giai đoạn 2018-2021. Cụ thể các biện pháp TBT tăng từ 2041 (năm 2018) lên 2360 (năm 2021); các biện pháp SPS tăng từ 1316 (năm 2018) lên 1515 (năm 2020) và giảm còn 1265 (năm 2021).

Bảng 2. Số lượng các biện pháp phi thuế được sử dụng bởi các nước WTO giai đoạn 2018-2021

Năm	SPS		TBT		AD	
	Ban hành	Còn hiệu lực	Ban hành	Còn hiệu lực	Ban hành	Còn hiệu lực
2018	1316	3	2041	2018	1316	3
2019	1224	0	1986	2019	1224	0
2020	1515	0	1972	2020	1515	0
2021	1265	0	2360	2021	1265	0
Năm	CV		SG		QR	
	Ban hành	Còn hiệu lực	Ban hành	Còn hiệu lực	Ban hành	Còn hiệu lực
2018	50	16	7	10	1	0

2019	35	34	38	21	0	0
2020	0	0	20	13	0	0

Nguồn: <http://i-tip.wto.org/>

▪ *Thực trạng áp dụng các hàng rào phi thuế ở một số thị trường xuất khẩu nông sản chính của Việt Nam*

Hiện nay, Mỹ là thị trường đối tác thương mại lớn của Việt Nam, và đồng thời cũng là quốc gia sử dụng đa dạng nhất các biện pháp phi thuế. Tính đến hết năm 2021, Mỹ đã sử dụng 2015 biện pháp TBT, chiếm 6,2% tổng số biện pháp TBT được các thành viên WTO sử dụng. Tương ứng của biện pháp SPS là 3.290 và 145,9 %. Mỹ cũng đang áp dụng nhiều biện pháp chống bán phá giá (AD), chiếm tới 20,7% tổng số biện pháp chống bán phá giá áp dụng trên toàn thế giới. Mỹ cũng là nước có số lượng biện pháp tự vệ đặc biệt (SSG) nhiều, chiếm 76,07% tổng số biện pháp này trên toàn thế giới. Về các biện pháp tự vệ (SG); biện pháp tự vệ đặc biệt (SSG); biện pháp hạn chế số lượng (QR) và biện pháp hạn ngạch thuế quan (TQ) hiện không ghi nhận biện pháp mới mà Mỹ áp dụng.

Tính đến hết năm 2021, số biện pháp SPS mà EU đã sử dụng chiếm 4,3% tổng số biện pháp SPS được áp dụng bởi các nước thành viên WTO. Số liệu tương ứng với biện pháp TBT mà EU áp dụng là 4,5%. Các biện pháp chống bán phá (AD), biện pháp chống trợ cấp (CV) và biện pháp tự vệ đặc biệt (SSG) có tỷ lệ giữa số biện pháp EU áp dụng so với tổng số biện pháp được áp dụng bởi các nước thành viên WTO lần lượt là 5,9%, 8,2% và 10,89%.

Trung Quốc là một trong những quốc gia Châu Á sử dụng các biện pháp phi thuế quan nhiều hơn các nước còn lại. Tính đến 31/12/2021, số biện pháp SPS và TBT mà Trung Quốc áp dụng chiếm 6,26% và 5,05% tổng số biện pháp SPS và TBT được áp dụng

bởi các nước thành viên WTO. Một biện pháp phi thuế quan khác được Trung Quốc áp dụng nhiều là biện pháp chống bán phá giá (AD) với 123 biện pháp. Còn các biện pháp chống trợ cấp (CV), biện pháp tự vệ (SG), biện pháp tự vệ đặc biệt (SSG) và biện pháp hạn ngạch thuế quan (TQ) mới được Trung Quốc sử dụng ít hoặc chưa sử dụng.

Bảng 3. Số lượng các biện pháp phi thuế quan được sử dụng bởi Mỹ, EU và Trung Quốc tính đến hết năm 2021

Nước/khu vực	Các biện pháp phi thuế quan			
	SPS	TBT	AD	CV
Mỹ	3290	2015	505	179
EU	952	1464	144	26
Trung Quốc	1382	1641	123	11
	SG	SSG	QR	TQ
Mỹ	3	496	59	52
EU	0	71	18	87
Trung Quốc	1	0	42	10

Nguồn: <http://i-tip.wto.org/>

Tại thị trường Mỹ, nông sản nhập khẩu chịu sự kiểm soát chặt chẽ của nhiều quy định luật khác nhau như Đạo luật Bảo vệ thực vật (PPA); Đạo luật Hiện đại hóa an toàn thực phẩm (FSMA); Đạo luật Bảo vệ chất lượng thực phẩm (FQPA) và một số quy định khác. Các quy định luật này được thực thi bởi hệ thống các cơ quan cấp liên bang như Cục Quản lý dược phẩm và thực phẩm (FDA), Cơ quan Bảo vệ môi trường Mỹ (EPA) và hai đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) là Cơ quan Kiểm dịch và An toàn thực phẩm Mỹ (FSIS) và Sở Kiểm dịch động thực vật Mỹ (APHIS) bên cạnh đó là các cơ quan cấp tiểu bang.

Tại EU, nông sản nhập khẩu phải tuân thủ các tiêu chuẩn về chất lượng của EU. Các lô hàng

nông sản tươi nhập khẩu từ các nước ngoài khối EU theo tiêu chuẩn EC cần phải có Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn (Certificate of conformity). Quy định về nhãn mác hàng thực phẩm nhập khẩu được EU thể hiện tại Quy định số 1169/2011 về “Cung cấp thông tin thực phẩm cho người tiêu dùng”. Đối với trái cây và rau quả cần quan tâm đến Quy định số 543/2011 về “Những quy định chi tiết thực thi Quy định số 1234/2007 của EU về trái cây, rau quả và ngành trái cây, rau quả đã qua chế biến”.

Trung Quốc đưa ra các quy chuẩn kỹ thuật và các thủ tục đánh giá sự phù hợp được điều chỉnh bởi nhiều luật và quy định khác nhau, bao gồm: Luật tiêu chuẩn; Luật về chất lượng và an toàn sản phẩm nông nghiệp; Luật về chất lượng sản phẩm; Luật về bảo hộ quyền và lợi ích của người tiêu dùng. Đối với quy định về nhãn mác, Trung Quốc quy định tất cả các sản phẩm nhập khẩu bán ở thị trường này phải có nhãn tiếng Trung Quốc, thể hiện rõ loại thực phẩm, thương hiệu, địa chỉ của nhà sản xuất, nước xuất xứ, thành phần, ngày chế biến và ngày hết hạn. Ngoài một số quy định theo thông lệ quốc tế, gần đây Trung Quốc cũng đưa ra một số yêu cầu riêng biệt, siết chặt việc thực thi các quy định đã ban hành trước đây đối với nông thủy sản nhập khẩu. Cụ thể, chỉ định cửa khẩu nhập khẩu, bao gồm cửa khẩu đường bộ, hàng không và đường thủy đối với các mặt hàng cụ thể như trái cây, thủy sản, lương thực... hay tổ chức thực hiện nghiêm các biện pháp quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc đối với nông thủy sản nhập khẩu từ nước ngoài, trong đó có Việt Nam.

3.2. Thực trạng tác động của các hàng rào phi thuế đến xuất khẩu nông sản của Việt Nam

▪ Thực trạng xuất khẩu nông sản Việt Nam

Theo thống kê từ trang web Trademap.org,

trong giai đoạn 2017-2021, do bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, đã kìm hãm tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của mặt hàng nông sản Việt Nam. Số liệu cho thấy trong các năm 2019 và 2020, tốc độ tăng trưởng là không đáng kể, kim ngạch lần lượt là 20,16 và 20,34 tỷ USD. Tuy nhiên cho đến năm 2021, khi đại dịch đã bước đầu được khống chế, kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam đã đạt mức tăng trưởng 11,2%. Đóng góp tỷ trọng lớn trong kim ngạch xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam là các mặt hàng chủ lực như gạo, cà phê, hàng rau quả, hạt điều, chè, cao su, hạt tiêu, sắn và các sản phẩm từ sắn...

Năm 2021, Trung Quốc là thị trường chiếm thị phần lớn nhất với kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt khoảng 5,3 tỷ USD, tăng khoảng 13,4% so với trước, chiếm 23,5% thị phần xuất khẩu nông sản Việt Nam. Tiếp đến là 2 thị trường Mỹ và EU trong năm 2021 kim ngạch xuất khẩu vào khoảng 3,1 tỷ USD và 3,02 tỷ USD.

Bảng 4. Kim ngạch xuất khẩu nông sản Việt Nam giai đoạn từ 2017-2021

Đơn vị: Tỷ USD

Nước/Khu vực	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Thế giới	21,14	20,8	20,16	20,35	22,63
Trung Quốc	5,86	5,66	5,12	4,68	5,31
Mỹ	2,76	2,73	2,46	2,85	3,15
EU (27)	3,1	2,99	2,82	2,74	3,02

Nguồn: Trademap.org

▪ Thực trạng những tác động của hàng rào phi thuế đến xuất khẩu nông sản Việt Nam

Bài viết này sử dụng kết quả điều tra sơ cấp từ việc khảo sát bằng bảng hỏi. Bảng hỏi được thiết kế cho các nhóm doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam

ở khu vực Miền Bắc. Việc phát phiếu hỏi được hỗ trợ bởi công ty Tiếp vận Liên minh Việt Nam, thực hiện từ tháng 10/2022 đến 12/2022. Các câu hỏi tập trung vào việc đánh giá tác động của các hàng rào phi thuế đến xuất khẩu nông sản Việt Nam, chú trọng vào một số hàng rào như SPS, TBT và SG. Các số liệu tính toán đã được làm tròn cho tiện việc báo cáo.

- Đánh giá về các hàng rào phi thuế các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản phải đối mặt. EU (27) là khu vực mà các doanh nghiệp phải cho rằng phải đối mặt với các hàng rào phi thuế cao nhất (40%), tiếp theo là Trung Quốc (25%), Mỹ (20%).

Đối với thị trường đặc biệt "khó tính" như EU, rào cản TBT có tỷ lệ khá cao đạt 60%. Đây là kết quả phù hợp với lý thuyết, do các mặt hàng nông sản có liên quan mật thiết đến sức khỏe người tiêu dùng nên việc sử dụng các biện pháp kỹ thuật và vệ sinh dịch tễ là rất phổ biến.

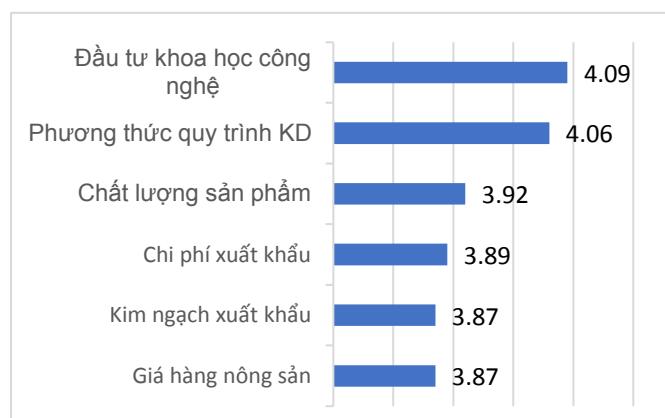
Bảng 5. Các hàng rào phi thuế doanh nghiệp xuất khẩu nông sản phải đối mặt

Các hàng rào phi thuế	Mỹ	EU	Trung Quốc
Hàng rào kỹ thuật	32%	60%	50%
Vệ sinh dịch tễ	28%	47%	52%
Chống bán phá giá	22%	30%	10%
Chống trợ cấp	0	15%	10%
Phòng vệ thương mại	2%	18%	9%

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra của tác giả

- Đánh giá mức độ tác động của các hàng rào phi thuế đến xuất khẩu nông sản của doanh nghiệp. Theo khảo sát, trở ngại lớn nhất đối với xuất khẩu hàng nông sản là các biện pháp vệ sinh dịch tễ, sau đó là các hàng rào kỹ thuật, chống bán phá giá. Xét theo tỷ lệ % tác động của từng rào cản thì rào cản vệ sinh dịch tễ

được đánh giá có mức tác động cao nhất (20,4%). Dù vậy, kết quả khảo sát cũng cho thấy số vụ việc liên quan đến phòng vệ thương mại mà doanh nghiệp Việt sẽ phải đối mặt có xu hướng tăng khi tỷ lệ % trả lời về tác động của 2 biện pháp này chỉ đứng sau vệ sinh dịch tễ, mức phần trăm tác động lần lượt là: chống bán phá giá (17,6%), chống trợ cấp và hạn chế số lượng cùng 15,1%.



Hình 1. Đánh giá mức độ tác động các hàng rào phi thuế quan đến các khía cạnh hoạt động cụ thể của doanh nghiệp xuất khẩu nông sản

Khi nghiên cứu sâu hơn về mức độ tác động của các biện pháp phi thuế đến các khía cạnh hoạt động cụ thể của doanh nghiệp xuất khẩu nông sản, cho thấy tác động của rào cản TBT và SPS có ảnh hưởng khá mạnh, trung bình ở mức 3,9/5. Vấn đề đầu tư khoa học công nghệ và phương thức/quy trình kinh doanh là chịu tác động nhiều nhất của biện pháp phi thuế quan. Đương nhiên, khi yêu cầu về mẫu mã, chất lượng... nâng lên và khi yêu cầu về việc tuân thủ quy định được đặt ra thì bản thân doanh nghiệp cần đầu tư vào khoa học cũng như nghiên cứu/hợp tác áp dụng quy trình phù hợp từ nuôi trồng đến thu mua và đưa đến người tiêu dùng ở nước nhập khẩu. Trong thực tiễn quy trình xuất khẩu, rào cản TBT và SPS cũng được xem là trở ngại lớn trong giai đoạn tiếp cận thị trường ban đầu cũng như trong quá trình xuất khẩu. Có hơn 70% doanh nghiệp đánh giá rào cản TBT là trở ngại lớn

nhất đối với việc xuất khẩu nông sản của họ. Trong khâu chế biến, rào cản SPS gây khó khăn cho hơn 55% số doanh nghiệp.

- Đánh giá mức độ nhận thức của các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản về các hàng rào phi thuế. Các doanh nghiệp được khảo sát cho thấy mức độ nhận thức chủ yếu tập trung ở mức độ "biết nhưng chưa đáp ứng được" đến "biết và đáp ứng được hạn chế". Tỷ lệ % cao nhất các doanh nghiệp trả lời "hiểu và có thể đáp ứng tốt với các rào cản bảo hộ" là 30% với các biện pháp chống trợ cấp và chống bán phá giá ở thị trường Nhật, 28% đối với biện pháp vệ sinh dịch tễ ở thị trường Mỹ.

Ở 4 thị trường trọng điểm, tỷ lệ % số doanh nghiệp xuất khẩu nông sản lựa chọn phương án "không biết" hoặc "biết mơ hồ" về các rào cản bảo hộ ở thị trường nhập khẩu thường dưới 10%. Qua đây cho thấy rằng các doanh nghiệp đã có những hiểu biết nhất định đến các quy định chặt chẽ tại các nước nhập khẩu. Nhu cầu tìm kiếm thông tin là khá cao đối với các doanh nghiệp xuất khẩu.

- Đánh giá tác động của việc đáp ứng tiêu chuẩn của hàng rào phi thuế của thị trường nhập khẩu tới mục tiêu của doanh nghiệp xuất khẩu. Các doanh nghiệp được khảo sát hiện đã có những chứng chỉ tiêu chuẩn để đáp ứng yêu cầu của thị trường nhập khẩu, nhiều doanh nghiệp đã có các tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng, lao động, môi trường như ISO, BRC, HACCP... Có 28,13% doanh nghiệp được khảo sát đã áp dụng tiêu chuẩn chất lượng quốc tế để vượt qua các rào cản của thị trường nhập khẩu. 5,21% số doanh nghiệp xuất khẩu được khảo sát đã áp dụng tiêu chuẩn lao động quốc tế. 1,04% doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn phi thuế. Trong khi đó, có 4,17% doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn chất lượng của thị trường nước nhập khẩu. Việc có/đáp ứng và áp dụng các chứng chỉ tiêu

chuẩn đã giúp doanh nghiệp xuất khẩu đạt được mục tiêu trong việc gia tăng sản lượng xuất khẩu, tăng giá bán hàng xuất khẩu, kiểm soát chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm xuất khẩu, tăng khả năng nhận biết sản phẩm, gia tăng khách hàng.

4. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Căn cứ việc phân tích thực trạng ở trên, nghiên cứu đề xuất một số kiến nghị nhằm thúc đẩy xuất khẩu nông sản Việt Nam dưới tác động của các hàng rào phi thuế như sau:

4.1. Đối với các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu nông sản

Một là, doanh nghiệp cần nâng cao nhận thức bảo hộ thương mại và chủ động cập nhật các quy định của nước nhập khẩu nông sản. Các quy định của nước nhập khẩu có thể thay đổi nên doanh nghiệp cần chủ động cập nhật các thông tin này để tránh rủi ro khi thực hiện các đơn hàng xuất khẩu. Doanh nghiệp có thể cập nhật thông tin từ chính các bạn hàng nhập khẩu. Bên cạnh đó một số nguồn thông tin có thể tham khảo như hiệp hội, cơ quan xúc tiến thương mại, các sứ quán Việt Nam ở nước ngoài.

Hai là, doanh nghiệp cần nâng cao chất lượng hàng nông sản xuất khẩu, đồng thời có sự chủ động nguồn nguyên liệu đầu. Các thị trường khác nhau có nhu cầu tiêu dùng và quy định đa dạng khác nhau về chủng loại và chất lượng của nông sản, bao gồm sản phẩm tươi, sản phẩm sơ chế, sản phẩm chế biến sẵn, sản phẩm hữu cơ... Do đó, doanh nghiệp cần chủ động và tích cực trong việc thực hiện đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao chất lượng của sản phẩm theo hướng tăng tỷ trọng sản phẩm nông nghiệp chế biến sâu và sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

Ba là, doanh nghiệp cần xây dựng chiến lược xúc tiến quảng bá thương hiệu, sản phẩm

nông sản của mình trên thị trường nước ngoài. Nhiều nông sản Việt Nam hiện mới xuất khẩu ở dạng thô, điều này khiến giá trị kim ngạch xuất khẩu nông sản không cao, gây thiệt hại cho nền kinh tế. Bởi vậy, để tận dụng lợi thế về phát triển nông nghiệp của Việt Nam và tận dụng được ưu đãi từ các hiệp định thương mại mà Chính phủ ký kết, các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu nông sản của Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh việc xúc tiến, quảng bá thương hiệu nông sản Việt Nam, đặc biệt là các sản phẩm chế biến sâu.

Bốn là, doanh nghiệp cần chủ động xây dựng hệ thống quản trị hiện đại, lưu trữ hồ sơ chứng từ đầy đủ rõ ràng. Đầu tiên, việc xây dựng cơ sở dữ liệu chứng từ giúp doanh nghiệp đáp ứng các quy định về chứng nhận xuất xứ và tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa của các hiệp định thương mại. Tiếp theo, nếu có xảy ra vụ việc điều tra chống bán phá giá, cơ quan điều tra các nước cũng thường yêu cầu rất nhiều hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình sản xuất kinh doanh, do đó doanh nghiệp cần lưu trữ hồ sơ, sổ sách đầy đủ và rõ ràng.

Bảng 6. Một số trang thông tin tìm kiếm thông tin thị trường xuất khẩu

Tên nguồn	Nội dung
https://trade.ec.europa.eu/access-to-markets/Qen/home	Hệ thống Access2Markets do EC xây dựng nhằm hỗ trợ các hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp làm ăn với thị trường châu Âu
https://www.trademap.org/	Công cụ tra cứu Trade Map được ITC xây dựng nhằm giúp các doanh nghiệp tìm hiểu và nghiên cứu thông tin thương mại về các sản phẩm và thị trường chiến lược
https://fta.moit.gov.vn/	Cổng thông tin do Bộ Công Thương xây dựng năm 2020 nhằm giúp cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam tận dụng hiệu quả các FTA

Tên nguồn	Nội dung
http://www.spsvietnam.gov.vn/thong-bao-cacnuoc-thanh-vien	Trang tra cứu thông báo và dự thảo quy định SPS của các nước thành viên WTO
http://www.wto.org/english/rtatop_e/spse/ratop_e/spse.htm	Trang tra cứu các biện pháp SPS của WTO, cung cấp nhiều thông tin về Hiệp định và hoạt động liên quan đến SPS trên toàn thế giới

Năm là, doanh nghiệp cần thường xuyên trao đổi thông tin với hiệp hội và cơ quan quản lý nhà nước. Việc thường xuyên trao đổi thông tin này để doanh nghiệp có thể đóng góp ý kiến xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành cũng như sửa đổi dự thảo tiêu chuẩn của các nước khác và nhận được sự hỗ trợ kỹ thuật khi doanh nghiệp bị điều tra phòng vệ thương mại. Các vụ khởi xướng điều tra có thể bắt đầu với bị đơn là một hoặc một vài doanh nghiệp nhưng nguy cơ thiệt hại cho cả ngành hàng là rất lớn nên các doanh nghiệp cần thường xuyên theo dõi thông tin, tích cực phối hợp với hiệp hội ngành hàng, cơ quan quản lý nhà nước để cùng giải quyết hiệu quả.

4.2. Đối với Nhà nước

Một là, tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về bảo hộ thương mại qua việc phối hợp với các hiệp hội, các cơ sở đào tạo để phổ biến, cung cấp thông tin về bảo hộ thương mại.

Hai là, tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước để theo dõi và xử lý phù hợp khi có các vụ điều tra phòng vệ thương mại. Bộ Công Thương, với vai trò cơ quan chủ quản phụ trách về lĩnh vực thương mại, thường xuyên cung cấp, cập nhật các quy định bảo hộ thương mại của các nước với nông sản xuất khẩu và danh mục các mặt hàng

có nguy cơ bị điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại, gian lận xuất xứ để các cơ quan quản lý nhà nước của Việt Nam cùng các hiệp hội tăng cường giám sát, theo dõi và có các biện pháp xử lý phù hợp.

Ba là, hoàn thiện cơ chế cảnh báo sớm dành cho hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường. Dựa trên các cảnh báo doanh nghiệp về khả năng bị điều tra các biện pháp phòng vệ thương mại, lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, doanh nghiệp có thể linh hoạt xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp. Trong giai đoạn này, Chính phủ có thể tập trung xây dựng và thường xuyên cập nhật các cảnh báo dành cho các thị trường xuất khẩu nông sản trọng điểm của Việt Nam như Mỹ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc.

Bốn là, xây dựng cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và các quốc gia nhập khẩu nông sản để thường xuyên tiếp nhận các thông tin về thay đổi quy định nhập khẩu của đối tác, thông tin về các vụ việc phòng vệ thương mại liên quan. Từ đó, cơ quan quản lý nhà nước của Việt Nam có thể cập nhật và dự báo các vụ việc điều tra phòng vệ thương mại mà đối tác sẽ tiến hành liên quan đến hàng nông sản Việt Nam nhằm phối hợp và xử lý vụ việc ngay từ ban đầu.

Năm là, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về pháp luật bảo hộ thương

mại nói chung và các quy định của các nước nhập khẩu đối với nông sản Việt Nam nói riêng. Xây dựng và phổ biến các cẩm nang thông tin về các thị trường xuất khẩu trong bối cảnh bảo hộ thương mại để cung cấp thông tin một cách rộng rãi và có hệ thống tới các doanh nghiệp.

5. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước cũng như trên thế giới còn nhiều biến động, xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng khả quan qua các năm. Việc bảo hộ thương mại bằng các hàng rào phi thuế diễn biến phức tạp gây ra không ít khó khăn cho hoạt động xuất khẩu nông sản của Việt Nam. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản của Việt Nam cần tăng cường nhận thức, cập nhật thông tin về bảo hộ thương mại, nâng cao chất lượng sản phẩm, thường xuyên trao đổi thông tin với các cơ quan quản lý nhà nước và các hiệp hội. Về phía cơ quan quản lý nhà nước cũng cần tiếp tục duy trì việc hợp tác, trao đổi thông tin với các chính phủ đối tác, cập nhật, cảnh báo cho doanh nghiệp trong nước và phối hợp xử lý khi có các vụ việc điều tra của đối tác. Những giải pháp đồng bộ từ cả doanh nghiệp và Nhà nước được kỳ vọng sẽ giúp thúc đẩy xuất khẩu nông sản Việt Nam trong bối cảnh bảo hộ thương mại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đinh Văn Sơn, "Báo cáo thường niên kinh tế thương mại Việt Nam năm 2020", (2020).
- [2] Nguyễn Trung Kiên, "Nghiên cứu thực trạng và đề xuất chính sách, giải pháp thương mại nông sản Việt Nam với Trung Quốc", Đề tài nghiên cứu cấp bộ, (2016).
- [3] World Bank, "Tác động kinh tế và phân bổ thu nhập của Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương: Trường hợp của Việt Nam", Ấn phẩm song ngữ, (2018).

- _____

Trần Ngọc Tú

Khoa Thương mại, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật